

Kinh tế Việt Nam - Khu vực - Thế giới:

Phân tích, nhận định, dự báo



ASEAN TRƯỚC TÁC ĐỘNG CỦA PHỤC HỒI KINH TẾ TOÀN CẦU VÀ TÍNH THANH KHOẢN CỦA CÁC DÒNG VỐN TRÊN THẾ GIỚI

Sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) ra thông báo sẽ giảm dần các gói nới lỏng định lượng (Quantitative Easing) các nền kinh tế mới nổi lập tức đã chịu sức ép. Giá trị đồng Real của Brazil, đồng Rupee của Ấn Độ và đồng Rupiah của Indonesia đều đã giảm trên 10% trong mấy tháng gần đây (cuối Quý II và Quý III/2013).

Thực tế này gợi lại ký ức ám đăm của các cuộc khủng hoảng tiền tệ Mexico (năm 1994) và Đông Á (năm 1997). Các quốc gia Đông Nam Á, theo đánh giá của *Stratfor*, sẽ chịu nhiều ảnh hưởng bởi quá trình phục hồi kinh tế của khu vực này dựa trên mức thanh khoản của dòng vốn quốc tế (có xu hướng biến động mạnh) và tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc (có xu hướng sụt giảm đáng kể).[1]

Stratfor xem xét căn cứ vào hai vấn

đề: (i) mức độ dễ tổn thương của nền kinh tế và (ii) chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các nền kinh tế ASEAN kể từ năm 1997 đến nay.

Thứ nhất, về mức độ dễ tổn thương của nền kinh tế.

Các nền kinh tế ASEAN đã có nhiều nỗ lực cải thiện khả năng chống đỡ với nguy cơ khủng hoảng kinh tế từ bên ngoài. Đáng kể nhất là gia tăng dự trữ ngoại hối của mỗi thành viên và nỗ lực xây dựng quỹ chống khủng hoảng thanh khoản chung theo sáng kiến Chiềng Mai (Chiang Mai Initiative). Từ 1997 đến 2012, dự trữ ngoại hối của 10 quốc gia ASEAN đã tăng từ 200 tỷ USD lên 800 tỷ USD. Quy mô dự trữ ngoại hối như vậy đã tăng lên tương đương từ 7 đến 8 tháng nhập khẩu so với mức 3 hay 4 tháng của năm 1997.

Dự trữ ngoại hối của Việt Nam tính tới ngày 10/12/2012 là khoảng 23 tỷ USD, tương đương 2,4 tháng nhập khẩu (số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư).

Khác với năm 1997, ngày nay, hầu hết các nước thành viên ASEAN áp dụng chế độ tỷ giá linh hoạt thay vì cố định hoặc neo vào đồng USD như trước kia. Điều này giúp giảm bớt rủi ro. Một khi áp lực đầu cơ tiền tệ gia tăng, các chính phủ sẽ sẵn sàng thả nổi, để cho thị trường tự quyết định giá trị của đồng nội tệ. Đồng thời, đồng nội tệ suy yếu cũng mang lại cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài mạnh mẽ hơn, thúc đẩy cải thiện hoạt động

tài chính, cải cách hệ thống ngân hàng và tăng cường năng lực tài khóa. Nhờ thế mà nguy cơ khủng hoảng tiền tệ giảm xuống.

Tuy nhiên, xuất khẩu vẫn là động lực tăng trưởng quan trọng đối với ASEAN. Chẳng hạn, giá trị xuất khẩu chiếm khoảng 83% GDP của Việt Nam năm 2012. Chính vì thế, nếu *dự báo sụt giảm cầu tiêu dùng của thế giới xảy ra trong trung hạn* sẽ gây tổn thất nặng nề tới kinh tế ASEAN.

Mô hình tăng trưởng dựa vào xuất khẩu của ASEAN nhận được rất nhiều sự “trợ giúp” từ tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc - thị trường tiêu thụ khổng lồ với khoảng 1,3 tỷ người. Giờ đây, sức cầu từ Trung Quốc đối với hàng hóa ASEAN đang giảm sút bởi tăng trưởng kinh tế thấp và chính sách kích thích tiêu dùng nội địa của Bắc Kinh.

Trong khi đó, hầu hết các nền kinh tế mới nổi ở châu Á đều dựa vào đầu tư nước ngoài (cả trực tiếp và gián tiếp) để giải quyết mất cân bằng cán cân thương mại và tài khoản vốn; đồng thời, coi đây là những động lực tăng trưởng quan trọng. Cần lưu ý rằng, những nỗ lực thu hút đầu tư nước ngoài thái quá là một phần nguyên nhân của khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997. Và mặc dù đã có nhiều điều chỉnh kể từ đó đến nay, nhưng các nền kinh tế này vẫn kỳ vọng vào tăng trưởng và thanh khoản cao của kinh tế thế giới để duy trì dòng đầu tư nước ngoài vào các nền kinh tế quốc nội. Lối tư duy này thực ra chỉ khiến các nền kinh tế dễ bị tổn thương hơn trước các biến động của kinh tế thế giới. Một phần rất quan trọng: xây dựng nội lực của nền kinh tế, mà khởi nghiệp và sáng tạo có thể xem như một “lõi kép” của quá trình phát triển [2] dường như còn đang bị bỏ quên.

Thứ hai, về chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Sụt giảm thanh khoản của dòng vốn toàn cầu sẽ dẫn tới những nỗ lực hiệu chỉnh cơ cấu mạnh mẽ hơn ở các nền kinh tế Đông Nam Á. Trong đó, mức độ tổn thương sẽ lớn hơn với các quốc gia có tình trạng cán cân (thương mại, vốn) ngày một xấu đi và dòng vốn đầu tư nước ngoài vẫn đang giữ vai trò quyết định trong bù đắp thâm hụt thương mại và dịch vụ.

Indonesia, kể từ cuối 2011, đã phải chứng kiến thâm hụt cán cân thương mại gia tăng như là kết cục của giá hàng hóa (thế giới) giảm và nhu cầu (than, dầu cò và đồng) từ Trung Quốc tụt dốc. Động thái Chính phủ trợ cấp giá năng lượng càng gia tăng gánh nặng với ngân sách nhà nước. Xuất khẩu hàng hóa chiếm khoảng 50% tổng xuất khẩu và 40% GDP của quốc gia này. Thâm hụt thương mại trong Quý II/2013 gần tới mức 4,4% GDP – cao nhất trong một thập kỷ qua. Thực tế này đưa tới việc chính phủ Indonesia tăng lãi suất vào ngày 29/8/2013, trong khi lãi suất cho vay đã được điều chỉnh tăng hai lần kể từ tháng 6. Thuế nhập khẩu cũng được nâng lên cùng với việc ban hành chính sách ưu đãi thuế với hoạt động đầu tư trong tháng 8/2013.

Cùng lúc đó, áp lực lạm phát cũng gia tăng ở Indonesia. Lạm phát đã tăng lên 8,6% vào tháng 7, gấp hai lần mức 4,3% hồi cuối năm 2012. Đồng tiền mất giá

làm giảm hiệu lực các chính sách chống lạm phát. Rủi ro bất ổn chính trị, bởi vậy, gia tăng khi “đấu hỏi” về năng lực của đảng cầm quyền ngày một lớn hơn trong khi cuộc bầu cử tổng thống vào năm 2014 đang tiến tới gần. Dẫu vậy, Indonesia vẫn hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực khai thác, chế tạo và xây dựng hạ tầng giao thông. Các khoản đầu tư này có thể sẽ giúp giảm bớt áp lực thị trường và duy trì tăng trưởng ổn định ở mức 5% (như dự kiến) trong năm 2013.

Tại *Malaysia*, thặng dư thương mại của Quý II/2013 đã giảm xuống 1% GDP. Với *Thái Lan*, tình hình kém hơn nhiều khi mức thặng dư đã chuyển sang thâm hụt 5,1% GDP. Cả hai nền kinh tế này đều dựa rất nhiều vào xuất khẩu hàng hóa (commodities export) – lần lượt là 30% tổng giá trị xuất khẩu với Malaysia và 15% với Thái Lan. Bởi vậy, sụt giảm nhu cầu thế giới khiến cả hai cùng bị tổn thương và đã phải điều chỉnh giảm các dự báo về tăng trưởng kinh tế. Malaysia ước tính sẽ có mức tăng trưởng từ 4,5% đến 5% (trước đó là từ 5% đến 6%). Thái Lan dự báo sẽ tăng trưởng 3,8% đến 4,3% (số dự báo cũ là từ 4,2% đến 5,3%) năm 2013.

Nợ nước ngoài cũng gia tăng ở cả hai quốc gia, tại Malaysia là 53% GDP, còn Thái Lan là 40% GDP. Dù chưa tới mức “châm ngòi” cho biến động kinh tế, thì những con số này cũng làm giảm niềm tin của các nhà đầu tư – tín hiệu của một làn sóng rút vốn có khả năng xuất hiện trong tương lai không xa. Nguy cơ này cao hơn với Thái Lan khi đồng thời nhu cầu nội địa suy giảm và các hạn chế của ngân sách nhà nước đe dọa sẽ kéo tụt tăng trưởng kinh tế. So với năm 1997, kinh tế Malaysia và Thái Lan ổn định hơn rất nhiều, nhưng không vì thế mà rủi ro trước các biến động kinh tế trên thế giới bớt đi và cả hai quốc gia đều rất cần có những bước tiến trong quá trình tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Việt Nam cũng có những mối lo tương tự. Dù kiểm soát vốn khá chặt chẽ (so sánh tương đối với các quốc gia ASEAN), Việt Nam vẫn đang trong quá trình phục hồi sau những biến động kinh tế từ năm 2009, khi nhu cầu thế giới sụt giảm làm bộc lộ những hạn chế cố hữu nhiều năm nay của cơ cấu kinh tế. Những thách thức có thể kể tên, bao gồm: đồng tiền mất giá, vốn đầu tư nước ngoài thoái lui, lạm phát gia tăng và khủng hoảng hệ thống ngân

hàng. Trong hai năm qua, Việt Nam đã nỗ lực kiểm soát tín dụng, tăng năng suất lao động và tái cơ cấu thị trường tài chính nhằm ổn định nền kinh tế. Tuy nhiên, với thâm hụt thương mại triền miên và rủi ro tiềm ẩn trong các khoản đầu tư vào tài sản đầu cơ, việc điều chỉnh lại hướng đi của các dòng vốn toàn cầu có thể sẽ tạo thêm áp lực mới cho nền kinh tế Việt Nam đang trong quá trình tái cơ cấu.

Trong số 10 nước thành viên ASEAN, thì chỉ Philippines lại có thể hưởng lợi từ đồng nội tệ yếu. Kiều hối chiếm hơn 40% tổng xuất khẩu của quốc gia này. Đây là điều rất quan trọng với Philippines bởi thâm hụt thương mại luôn thường trực và dòng vốn đầu tư vào đây cũng rất thất thường. Tuy nhiên, trong dài hạn, những lệ thuộc này có thể sẽ khiến Philippines phải chịu tổn thất nhiều hơn từ những vấn đề kinh tế toàn cầu – suy thoái sẽ gây sụt giảm kiều hối. Nếu kinh tế thế giới lao đao thêm một lần nữa, Philippines sẽ phải chịu rất nhiều áp lực.[3]

Chưa thể biết điều gì sẽ xảy ra khi nền kinh tế toàn cầu tiếp tục hồi phục, nhưng suy giảm thanh khoản toàn cầu sẽ dẫn tới những bước chuyển dịch cơ cấu của các nền kinh tế Đông Nam Á. Trong những năm sắp tới, khu vực này phải nỗ lực để có phản ứng thích hợp với nghịch lý: “Khi tăng trưởng của Hoa Kỳ thúc đẩy thương mại thì chính sách kích thích kinh tế sẽ bị thu hẹp và do đó cản trở dòng vốn tìm đến châu Á”.

CỘNG ĐỒNG KINH TẾ CHUNG ASEAN 2015: CÁC DOANH NGHIỆP VIỆT NAM ĐÃ CHUẨN BỊ ĐƯỢC GÌ?

Cộng đồng kinh tế chung ASEAN (AEC) là một thị trường chung duy nhất trong khu vực 10 nước thành viên ASEAN, dự định sẽ được hình thành vào năm 2015.

Tại Hội nghị ASEAN lần thứ 12 vào tháng 01/2007, các nhà lãnh đạo ASEAN đã khẳng định, việc thành lập AEC vào năm 2015 sẽ là một trong ba trụ cột quan trọng trong mục tiêu hội nhập kinh tế khu vực năm 2020, mà các nước thành viên ASEAN đang nỗ lực hướng đến.

Theo Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam Phạm Bình Minh, AEC được xây dựng dựa trên ba trụ cột chính: chính trị-an ninh, kinh tế và văn hóa-xã hội.

Chỉ còn chưa đầy 2 năm nữa, Cộng

đồng kinh tế chung AEC sẽ hình thành. Nhưng có một thực tế là, số doanh nghiệp Việt Nam biết đến AEC không nhiều. Hiện chủ yếu vẫn là các doanh nghiệp lớn chuẩn bị cho việc gia nhập AEC, vì đã có đầu tư và cạnh tranh nhiều năm trên thị trường ASEAN. Trong khi đó, đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, những thông tin và sự hiểu biết về AEC còn rất hạn chế.

Thêm vào đó cung cách làm ăn của số doanh nghiệp này cũng đang đặt ra khá nhiều vấn đề. Theo số liệu của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), hiện có tới 34% số doanh nghiệp không có thông tin chính xác. Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp cũng cho thấy, còn khoảng 310.000 doanh nghiệp vẫn còn thiếu, sai khác và chưa được cập nhật thông tin. [4]

Trong khi đó, các doanh nghiệp của một số nước khác trong khu vực, điển hình như Thái Lan đã có sự chuẩn bị và lên kế hoạch khá cụ thể cho việc gia nhập AEC.

Hướng đến một thị trường chung tạo ra nhiều cơ hội phát triển, nhưng cũng đầy thách thức, các doanh nghiệp Việt Nam sẽ phải cạnh tranh sản phẩm với nhiều nước khác mạnh hơn trong khu vực. Ngay lúc này, hàng hóa Việt Nam đã và đang chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ với các sản phẩm của Thái Lan, Lào và Campuchia. Do đó, tích cực chuẩn bị ngay từ bây giờ (nâng cao chất lượng, năng lực cạnh tranh sản phẩm, nguồn lực và đổi mới công nghệ...) là rất cần thiết và sẽ mang đến cơ hội cho Việt Nam bắt kịp với xu thế, trình độ phát triển của khu vực, tăng sức cạnh tranh trong cộng đồng ASEAN.

NHỮNG ĐỘNG THÁI KINH TẾ VIỆT NAM CẬP NHẬT

Theo đề án “Rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu kinh tế cửa khẩu Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, kim ngạch xuất-nhập khẩu qua cửa khẩu đến năm 2020 phấn đấu đạt khoảng 30 tỷ USD và đến năm 2030 đạt khoảng 50 tỷ USD.

Chính phủ đề ra mục tiêu tăng trưởng GDP trong năm 2014 ở mức 5,8%, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) ở mức 7%, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 10% so với năm 2013.

Theo báo cáo của Bộ Tài chính, bội chi ngân sách nhà nước (NSNN) trong 8 tháng đầu năm 2013 lên tới gần 120.000 tỷ đồng, xấp xỉ 74% mức bội chi Quốc hội quyết định cho cả năm. Bộ trưởng Bộ Tài chính Đinh Tiến Dũng cho biết, năm nay NSNN dự kiến sẽ hụt thu khoảng 60.000 tỷ đồng so với dự toán.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, lũy kế đến ngày 20/9/2013, cả nước có 872 dự án FDI được cấp chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký trên 9,29 tỷ USD, bằng 92,7% về số dự án và 134,9% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2012. Tổng vốn FDI 9 tháng đã đạt tới 15,005 tỷ USD, chính thức vượt mốc dự kiến thu hút vốn FDI cả năm 2013 (13-14 tỷ USD), tăng 36% so với cùng kỳ năm 2012. Chỉ riêng tháng 9/2013 đã có 2,3 tỷ

USD vốn FDI đăng ký mới và tăng thêm, gấp 3 lần so với tổng vốn đăng ký mới và tăng thêm của tháng trước.

Theo kết quả báo cáo “Cạnh tranh Toàn cầu 2013-2014” do Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) công bố, Việt Nam xếp vị trí thứ 70, tăng 5 hạng so với vị trí thứ 75 vào năm 2012-2013. Việc tăng hạng của Việt Nam chủ yếu nhờ những cải thiện về môi trường kinh tế vĩ mô (xếp thứ 87, tăng 19 bậc) khi lạm phát trở về mức một con số trong năm 2012, chất lượng kết cấu hạ tầng giao thông và năng lượng cũng được cải thiện (xếp thứ 82, tăng 13 bậc). Ngoài ra, Việt Nam cũng có bước tiến về hiệu quả thị trường hàng hóa (xếp thứ 74, tăng 17 bậc) nhờ giảm các rào cản thương mại và thuế quan.

NHỮNG ĐÁNH GIÁ KHÁC NHAU VỀ TRIỂN VỌNG ĐẦU TƯ TẠI VIỆT NAM

Theo kết quả báo cáo Chỉ số kinh doanh của các doanh nghiệp châu Âu trong Quý III/2013, do Phòng Thương mại châu Âu (Eurocham) thực hiện khảo sát trong tháng 8/2013, mức độ tin cậy và triển vọng kinh doanh trong cộng đồng doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam mặc dù không thay đổi so với quý trước – duy trì ở mức trung bình – 50 điểm, nhưng 20% số doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam cho biết đang cân nhắc chuyển công việc kinh doanh sang một nước khác thuộc ASEAN.

Khoảng 45% doanh nghiệp tham gia khảo sát cho rằng, các thị trường ASEAN khác là điểm đến kinh doanh tốt hơn Việt Nam. Và 21% đơn vị cho biết họ sẽ giảm đầu tư tại Việt Nam; 43% doanh nghiệp châu Âu cho rằng, lạm phát tại Việt Nam có tác động đáng kể, thậm chí là đe dọa đến công việc kinh doanh của họ.

Cuộc khảo sát 1.874 doanh nghiệp Nhật Bản đang đầu tư tại châu Á-Thái Bình Dương của tổ chức Xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO) cũng cho thấy xu hướng chuyển hướng đầu tư của các doanh nghiệp Nhật Bản từ Việt Nam sang các thị trường khác.

Có tới 74,5% doanh nghiệp cho biết, họ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm nhà cung cấp nguồn cung ứng linh kiện tại thị trường Việt Nam. Ông Daisuke Hiratsuka – Phó Chủ tịch Điều hành JETRO cho rằng, nội địa hóa linh kiện ở Việt Nam chỉ đạt khoảng 27,8% so với mức 50-60% ở Trung Quốc và Thái Lan cũng là một trở ngại lớn cho các doanh nghiệp Nhật Bản.[5]

Nhiều doanh nghiệp đến từ Nhật Bản, Mỹ và châu Âu cho rằng, nếu không sớm cải tổ thủ tục hành chính thì cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài của Việt Nam trong thời gian tới sẽ hẹp hơn so với nhiều quốc gia trong khu vực.

Cùng với các nhà đầu tư nước ngoài, một số doanh nghiệp lớn nội địa cũng đã và đang rục rịch ngừng hoạt động kinh doanh trong nước, chuyển hướng đầu tư sang các thị trường khác tiềm năng hơn. Điển hình như Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai (HAGL) đã thoái toàn bộ vốn khỏi các dự án thủy điện, rút khỏi thị trường bất động sản trong nước, hay thu hẹp hoạt động khai thác khoáng sản và gỗ, đá để chuyển hướng đầu tư vào nông nghiệp, trong đó có cao su, mía đường và bất động sản ở nước ngoài, như Lào, Campuchia, Myanmar...

Bên cạnh đó, các nhà đầu tư từ Hoa Kỳ và Trung Quốc lại thể hiện quan tâm lớn hơn tới cơ hội kinh doanh tại Việt Nam. Có tới 57% doanh nghiệp Mỹ hoạt động tại khu vực ASEAN đánh giá Việt Nam là điểm đến hấp dẫn nhất để mở rộng đầu tư (theo Điều tra Triển vọng kinh doanh ASEAN của Hiệp hội Kinh doanh Singapore và AmCham).

Các doanh nghiệp Trung Quốc cũng nhận định, Việt Nam là trọng điểm phát triển hoạt động kinh doanh và hợp tác đầu tư của nước này và khẳng định sẽ tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư tại Việt Nam trong thời gian tới.

Tham tán Kinh tế thương mại Trung Quốc tại Việt Nam, Hứa Khải Tùng cho rằng, trong tương lai không xa, mức đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam sẽ được nâng lên. Theo thống kê của Việt Nam, hiện có khoảng 900 nhà đầu tư Trung Quốc đầu tư với tổng mức đầu tư khoảng 5 tỷ USD. Trong 4 tháng đầu năm 2013, tổng vốn FDI của Trung Quốc vào Việt Nam đã tăng 162% so với cùng kỳ năm ngoái. □

PV (tổng hợp)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Southeast Asia: Currency Depreciation and the Prospect of Crisis, *Stratfor*, Aug. 30, 2013
2. Dang, L.N.V., N.K. Napier, and Q.H. Vuong (2012). It Takes Two to Tango: Entrepreneurship and Creativity in Troubled Times – Vietnam 2012, *Sociology Study* 2(9), pp.662-674
3. Xem: Thế giới đang ở giai đoạn đầu của khủng hoảng kinh tế mới, truy cập từ <http://cafef.vn/tai-chinh-quoc-te/the-gioi-dang-o-giai-doan-dau-cua-khung-hoang-kinh-te-moi-2013082715523083312ca32.chn>
4. Chí Tín (2013). Đưa 1/3 doanh nghiệp ra “ánh sáng”, *Báo Đầu tư*, ngày 13/9/2013
5. Doanh nghiệp Nhật Bản vẫn quan tâm đến thị trường Việt Nam, *Báo Hải quan*, ngày 05/9/2013